# Chi tiết mã HS 5210.41

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 5210.41 |
| **Mô tả hàng hóa** | Vải dệt thoi từ bông, có hàm lượng bông chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ sợi nhân tạo, có định lượng không quá 200 g/m2 / - Từ các sợi có các màu khác nhau: / - - Vải vân điểm: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 03/11/2026 03:41:33 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/521041/ |

## 2 dòng thuế thuộc 5210.41

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 5210.41.10 | Vải dệt thoi từ bông, có hàm lượng bông chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ sợi nhân tạo, có định lượng không quá 200 g/m2 / - Từ các sợi có các màu khác nhau: / - - Vải vân điểm: / - - - Vải Ikat (SEN) | kg/m/m2 | 18% | 12% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 5210.41.90 | Vải dệt thoi từ bông, có hàm lượng bông chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ sợi nhân tạo, có định lượng không quá 200 g/m2 / - Từ các sợi có các màu khác nhau: / - - Vải vân điểm: / - - - Loại khác | kg/m/m2 | 18% | 12% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.